

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục thủ tục hành chính thuộc
phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tư pháp đủ điều kiện thực hiện dịch vụ
công trực tuyến toàn trình dịch vụ công trực tuyến**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và cổng dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 1877/QĐ-BTP ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tư pháp công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình dịch vụ công trực tuyến;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 126/TTr-STP ngày 28 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 154 Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tư pháp đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình dịch vụ công trực tuyến (bao gồm: 118 Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh, 36 Danh mục thủ tục hành chính cấp xã).

(Có Phụ lục Danh mục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025. Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm như sau:

1. Sở Tư pháp tổ chức triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo Danh mục được phê duyệt. Thường xuyên rà soát, đánh giá, đề xuất phương án sửa đổi, bổ sung quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, thực hiện tái cấu trúc quy trình, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần thuộc phạm vi, chức năng quản lý trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định. Đẩy mạnh công tác phổ biến, thông tin, tuyên truyền, khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp và người dân nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

2. Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai, thực hiện dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan, đơn vị trên Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan quản lý, vận hành Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đảm bảo hoạt động thông suốt và đáp ứng các yêu cầu về chức năng, kỹ thuật, an toàn, an ninh thông tin. Tích hợp, cung cấp Danh mục dịch vụ công trực tuyến đã được phê duyệt trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; phối hợp với các cơ quan, đơn vị cập nhật, hiệu chỉnh, bổ sung nội dung thông tin, biểu mẫu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

3. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, đảm bảo các điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin; tiêu chuẩn kỹ thuật, chữ ký số và các điều kiện có liên quan để triển khai thực hiện việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được thuận lợi, hiệu quả. Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh, chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí đẩy mạnh công tác truyền thông về ý nghĩa, tầm quan trọng, các quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến; truyền thông các mô hình tốt, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả trong triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tư pháp, Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- VNPT tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Tr.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Hồng Minh

Phụ lục
DANH MỤC

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP
ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày ____/____/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp giải quyết	
				Cấp tỉnh	Cấp xã
I. Lĩnh vực nuôi con nuôi (04 TTHC: 02 TTHC cấp Tỉnh, 02 TTHC cấp Xã)					
1	1.003198	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi	Nuôi con nuôi	x	
2	1.003179	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	Nuôi con nuôi	x	
3	2.002349	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	Nuôi con nuôi		x
4	2.001255	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi		x
II. Lĩnh vực Hộ tịch (29 TTHC: 02 TTHC thực hiện ở cả cấp Tỉnh và cấp Xã; 27 TTHC cấp Xã)					
1	2.000635	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	Hộ tịch	x	x
2	2.002516	Xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch	x	x
3	1.001193	Đăng ký khai sinh	Hộ tịch		x

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp giải quyết	
				Cấp tỉnh	Cấp xã
4	2.000528	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch		x
5	1.004884	Đăng ký lại khai sinh	Hộ tịch		x
6	2.000522	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch		x
7	1.001022	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch		x
8	2.000779	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch		x
9	1.004772	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch		x
10	1.000893	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch		x
11	1.000656	Đăng ký khai tử	Hộ tịch		x
12	1.001766	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch		x
13	1.005461	Đăng ký lại khai tử	Hộ tịch		x
14	2.000497	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch		x
15	1.004837	Đăng ký giám hộ	Hộ tịch		x
16	1.001669	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch		x
17	1.004845	Đăng ký chấm dứt giám hộ	Hộ tịch		x

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp giải quyết	
				Cấp tỉnh	Cấp xã
18	2.000756	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch		x
19	3.000323	Đăng ký giám sát việc giám hộ	Hộ tịch		x
20	3.000322	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	Hộ tịch		x
21	1.004859	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	Hộ tịch		x
22	2.000748	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch		x
23	2.002189	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch		x
24	2.000554	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch		x
25	2.000547	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (<i>khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch</i>)	Hộ tịch		x
26	1.000110	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch		x

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp giải quyết	
				Cấp tỉnh	Cấp xã
27	1.000080	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch		x
28	1.004827	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch		x
29	1.004873	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Hộ tịch		x
III. Lĩnh vực Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (02 TTHC cấp Tỉnh)					
1	1.005464	Đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	x	
2	3.000024	Đề nghị thanh toán chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	x	
IV. Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý (12 TTHC cấp Tỉnh)					
1	2.000587	Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	x	
2	2.000518	Thủ tục cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	x	
3	2.000596	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	x	
4	1.001233	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	x	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp giải quyết	
				Cấp tỉnh	Cấp xã
5	2.000840	Thủ tục chấm dứt đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	x	
6	2.000954	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	x	
7	2.000829	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	x	
8	2.001680	Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	x	
9	2.001687	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	x	
10	2.000977	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư	Trợ giúp pháp lý	x	
11	2.000970	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	Trợ giúp pháp lý	x	
12	2.000592	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	x	
V. Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật (02 TTHC cấp Xã)					
1	2.001457	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	Phổ biến, giáo dục pháp luật		x
2	2.001449	Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	Phổ biến, giáo dục pháp luật		x
VI. Lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở (05 TTHC cấp Xã)					

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp giải quyết	
				Cấp tỉnh	Cấp xã
1	2.000930	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	Hòa giải ở cơ sở		x
2	1.002211	Thủ tục công nhận hòa giải viên	Hòa giải ở cơ sở		x
3	2.000950	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	Hòa giải ở cơ sở		x
4	2.002080	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Hòa giải ở cơ sở		x
5	2.000424	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở	Hòa giải ở cơ sở		x
VII. Lĩnh vực Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản (07 TTHC cấp Tỉnh)					
1	2.001130	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 05 năm trở lên	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	x	
2	1.002681	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về luật sư, kiểm toán viên là người nước ngoài theo quy định của pháp luật về kiểm toán	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	x	
3	2.001117	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	x	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp giải quyết	
				Cấp tỉnh	Cấp xã
4	1.008727	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	x	
5	1.001842	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	x	
6	1.001633	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	x	
7	1.001600	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	x	
VIII. Lĩnh vực Trọng tài thương mại (08 TTHC cấp Tỉnh)					
1	2.000822	Thành lập, đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài	Trọng tài thương mại	x	
2	2.000819	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài	Trọng tài thương mại	x	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp giải quyết	
				Cấp tỉnh	Cấp xã
3	1.008886	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	x	
4	1.001609	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	x	
5	1.008888	Cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	x	
6	1.008889	Đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại	x	
7	1.008906	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại	x	
8	1.008887	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức trọng tài nước ngoài hoặc Tổ chức trọng tài nước ngoài thành lập Chi nhánh, Văn phòng	Trọng tài thương mại	x	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp giải quyết	
				Cấp tỉnh	Cấp xã
		đại diện tại Việt Nam đã chấm dứt hoạt động ở nước ngoài			
IX. Lĩnh vực Hòa giải thương mại (07 TTHC cấp Tỉnh)					
1	1.008908	Cấp lại Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại	x	
2	1.008914	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại	x	
3	2.000515	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	Hòa giải thương mại	x	
4	1.008916	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại	x	
5	1.009283	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi	Hòa giải thương mại	x	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp giải quyết	
				Cấp tỉnh	Cấp xã
		nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài			
6	2.001716	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	Hòa giải thương mại	x	
7	1.008915	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Hòa giải thương mại	x	
X. Lĩnh vực Thừa phát lại (17 TTHC cấp Tỉnh)					
1	1.008921	Công nhận tương đương đào tạo nghề Thừa phát lại ở nước ngoài	Thừa phát lại	x	
2	1.008925	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	Thừa phát lại	x	
3	1.008926	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại	Thừa phát lại	x	
4	1.008927	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại	Thừa phát lại	x	
5	1.008928	Cấp lại Thẻ Thừa phát lại	Thừa phát lại	x	
6	1.008922	Bổ nhiệm Thừa phát lại	Thừa phát lại	x	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp giải quyết	
				Cấp tỉnh	Cấp xã
7	1.008923	Miễn nhiệm Thừa phát lại (trường hợp được miễn nhiệm)	Thừa phát lại	x	
8	1.008924	Bỏ nhiệm lại Thừa phát lại	Thừa phát lại	x	
9	1.008929	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	x	
10	1.008930	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	x	
11	1.008931	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	x	
12	1.008933	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	x	
13	1.008935	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	x	
14	1.008937	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	x	
15	1.008932	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	x	
16	1.008934	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	x	
17	1.008936	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	x	
XI. Lĩnh vực Luật sư (20 TTHC cấp Tỉnh)					

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp giải quyết	
				Cấp tỉnh	Cấp xã
1	1.002032	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư	x	
2	1.002079	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	Luật sư	x	
3	1.002153	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	Luật sư	x	
4	1.008709	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	Luật sư	x	
5	1.008628	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý	Luật sư	x	
6	1.008624	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư	Luật sư	x	
7	1.008614	Thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư	Luật sư	x	
8	1.002398	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	Luật sư	x	
9	1.002384	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	Luật sư	x	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp giải quyết	
				Cấp tỉnh	Cấp xã
10	1.002368	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư	x	
11	1.002234	Sáp nhập công ty luật	Luật sư	x	
12	1.002218	Hợp nhất công ty luật	Luật sư	x	
13	1.002198	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư	x	
14	1.002181	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư	x	
15	1.002099	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư	x	
16	1.002055	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Luật sư	x	
17	1.002010	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư	x	
18	1.001928	Công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài	Luật sư	x	
19	1.000828	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	Luật sư	x	
20	1.000688	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư	Luật sư	x	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp giải quyết	
				Cấp tỉnh	Cấp xã
XII. Lĩnh vực Tư vấn pháp luật (06 TTHC cấp Tỉnh)					
1	1.000404	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật	x	
2	1.000627	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	Tư vấn pháp luật	x	
3	1.000614	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	Tư vấn pháp luật	x	
4	1.000588	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	Tư vấn pháp luật	x	
5	1.000426	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật	x	
6	1.000390	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật	x	
XIII. Lĩnh vực Công chứng (28 TTHC cấp Tỉnh)					
1	1.013859	Cấp thẻ công chứng viên	Công chứng	x	
2	1.013856	Công nhận Điều lệ của Văn phòng công chứng được thành lập trước ngày 01/7/2025	Công chứng	x	
3	1.013849	Chuyển đổi Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân thành Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	Công chứng	x	
4	1.013852	Bán Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân	Công chứng	x	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp giải quyết	
				Cấp tỉnh	Cấp xã
5	1.013846	Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của toàn bộ thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng	Công chứng	x	
6	1.013840	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	Công chứng	x	
7	1.013848	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng vốn góp	Công chứng	x	
8	1.013836	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	Công chứng	x	
9	1.013853	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được bán	Công chứng	x	
10	1.013843	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	Công chứng	x	
11	1.013832	Thu hồi Thẻ công chứng viên	Công chứng	x	
12	1.013842	Sáp nhập Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	Công chứng	x	
13	1.013837	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng do bị mất, hỏng	Công chứng	x	
14	1.013834	Thành lập Văn phòng công chứng	Công chứng	x	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp giải quyết	
				Cấp tỉnh	Cấp xã
15	1.013839	Hợp nhất Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	Công chứng	x	
16	1.013835	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	Công chứng	x	
17	1.013818	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	x	
18	1.013830	Cấp lại Thẻ công chứng viên	Công chứng	x	
19	1.013816	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	x	
20	1.013810	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Công chứng	x	
21	1.013808	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	x	
22	1.013806	Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài	Công chứng	x	
23	1.013805	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	Công chứng	x	
24	3.000444	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	x	
25	1.013807	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	x	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp giải quyết	
				Cấp tỉnh	Cấp xã
26	1.013804	Bổ nhiệm lại công chứng viên	Công chứng	x	
27	1.013812	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Công chứng	x	
28	1.013803	Bổ nhiệm công chứng viên	Công chứng	x	
XIV. Lĩnh vực Giám định tư pháp (03 TTHC cấp Tỉnh)					
1	1.001117	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	Giám định tư pháp	x	
2	2.000894	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	Giám định tư pháp	x	
3	1.009832	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp	Giám định tư pháp	x	
XV. Lĩnh vực Đấu giá tài sản (04 TTHC cấp Tỉnh)					
1	2.001333	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản	x	
2	2.001258	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản	x	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp giải quyết	
				Cấp tỉnh	Cấp xã
3	2.001247	Đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản	x	
4	1.013634	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp	Đấu giá tài sản	x	